

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán riêng	07 – 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
- Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0100106803 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 28 tháng 06 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 145.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng), tương đương 14.500.000 cổ phần. Mệnh giá cổ phần 10.000 VND/Cổ phần.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Dương Thị Lam	Chủ tịch HĐQT
Bà Ngô Lan Hương	Thành viên
Ông Đinh Tiến Thành	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/05/2022)
Bà Phan Thị Thu Hiền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2022)
Bà Phạm Diễm Hoa	Thành viên
Bà Trần Huệ Linh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thái Dũng	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/03/2022)
Bà Nguyễn Ngọc Dung	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 25/01/2022)
Ông Chu Việt Cường	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Phó Giám đốc
Bà Đinh Thị Chuyên	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau :

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ thực góp</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua	Số 19 Phố Hàng Khoai, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	54,04%
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	Số 21 Trần Khánh Dư, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	51%
<u>Tên Công ty liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	KCN Hapro, Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	37,04%
Công ty Cổ phần Ẩm thực Hà Nội	Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	27,59%

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện bất thường nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là Công ty thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản, thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Thay mặt Ban Giám đốc



NGUYỄN THÁI DŨNG

Số: 34-L/2023/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2022 của
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội được lập ngày 29 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Công ty này đã phát hành Báo cáo kiểm toán số 219-22/BC-TC/VAE ngày 31/03/2022. Trong Báo cáo kiểm toán đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Tới thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, các vấn đề được nêu tại ý kiến kiểm toán ngoại trừ năm trước đã được Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội thực hiện điều chỉnh trên số liệu đầu năm của Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm nay.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0162-2023-242-1

Nguyễn Văn Dũng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0158-2023-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.911.157.864	45.416.226.362
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.461.358.856	4.190.087.335
1. Tiền	111		2.461.358.856	4.190.087.335
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.780.571.884	14.540.032.886
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.717.153.924	5.869.609.695
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.226.352.710	1.025.665.939
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.8	4.500.000.000	8.500.000.000
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	16.429.361.664	15.576.741.166
5. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.17	(17.092.296.414)	(16.431.983.914)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	13.335.688.291	26.103.471.059
1. Hàng tồn kho	141		13.335.688.291	26.103.471.059
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		333.538.833	582.635.082
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	250.322.472	113.864.354
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	83.216.361	468.770.728
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.625.709.707	101.617.032.755
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.594.959	11.594.959
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	11.594.959	11.594.959
II. Tài sản cố định	220		55.602.177.949	60.082.922.253
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	55.602.177.949	60.082.922.253
- Nguyên giá	222		126.926.793.099	126.596.518.165
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.324.615.150)	(66.513.595.912)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	-	-
- Nguyên giá	228		227.000.000	227.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(227.000.000)	(227.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.307.864.029	3.307.864.029
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	3.307.864.029	3.307.864.029
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	73.101.024.558	34.810.928.052
1. Đầu tư vào công ty con	251		85.714.473.001	43.380.693.001
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17.900.000.000	17.900.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.173.049.254	1.173.049.254
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(31.686.497.697)	(27.642.814.203)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		603.048.212	3.403.723.462
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	603.048.212	3.403.723.462
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		158.536.867.571	147.033.259.117

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		66.568.707.360	46.419.688.154
I. Nợ ngắn hạn	310		63.118.969.072	43.473.906.689
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	2.892.410.176	4.959.936.319
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	48.382.083	66.598.242
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	574.791.262	812.353.457
4. Phải trả người lao động	314		956.390.129	1.038.249.604
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		39.055.109	38.979.235
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	1.381.508.435	272.902.859
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	3.878.327.355	777.618.625
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	53.234.028.184	35.393.192.009
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		114.076.339	114.076.339
II. Nợ dài hạn	330		3.449.738.288	2.945.781.465
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	3.449.738.288	1.998.900.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	-	946.881.465
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		91.968.160.211	100.613.570.963
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	91.968.160.211	100.613.570.963
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		285.291.856	285.291.856
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		540.000.000	540.000.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(53.857.131.645)	(45.211.720.893)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(45.211.720.893)	(39.209.646.500)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(8.645.410.752)	(6.002.074.393)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		158.536.867.571	147.033.259.117

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Phùng Thị Thúy

Kế toán trưởng



Vũ Thị Mai Hồng

Giám đốc



Nguyễn Thái Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mẫu số B 02 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	109.440.323.237	136.894.320.188
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	205.981.335	191.515.821
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		109.234.341.902	136.702.804.367
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	83.812.106.073	105.010.502.824
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.422.235.829	31.692.301.543
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	669.966.782	2.129.452.872
7. Chi phí tài chính	22	6.5	10.150.982.361	6.608.869.079
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.944.721.530	3.369.718.853
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	8.584.318.711	18.504.879.977
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	16.471.763.242	16.364.285.816
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.114.861.703)	(7.656.280.457)
11. Thu nhập khác	31	6.6	477.950.951	1.655.387.960
12. Chi phí khác	32	6.7	8.500.000	1.181.896
13. Lợi nhuận khác	40		469.450.951	1.654.206.064
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.645.410.752)	(6.002.074.393)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(8.645.410.752)	(6.002.074.393)

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Phùng Thị Thúy

Vũ Thị Mai Hồng

Nguyễn Thái Dũng

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0100106803 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 28 tháng 06 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 145.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng), tương đương 14.500.000 cổ phần. Mệnh giá cổ phần 10.000 VND/Cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ, sản xuất, kinh doanh thương mại thực phẩm.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác. Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn các sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và các thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim sơn trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ đồ điện dân dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ chơi, trò chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và các vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ nước hoa, hàng mỹ phẩm, và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đồng hồ, kính mắt, máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ, nhà khách và nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Trụ sở chính của Công ty tại số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31/12/2022, số lượng lao động của Công ty là 49 người.

Ngoài ra, Công ty còn có các công ty con, công ty liên kết. Chi tiết:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09- DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ thực góp</u>
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Bắc Qua	Số 19 Phố Hàng Khoai, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	54,04%
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	Số 21 Trần Khánh Dư, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	51%
<u>Tên Công ty liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	KCN Hapro, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	37,04%
Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội	Số 24-26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	27,59%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lợi kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

(i) Có thời hạn thu hồi vốn trên 90 ngày và dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

(ii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

- Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

- Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho"; Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn của pháp luật.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và

giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn của pháp luật.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm máy vi tính	05 năm
----------------------	--------

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng, bao gồm chi phí thuê nhà thầu thi công, chi phí lãi vay và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty được ghi nhận theo giá gốc.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.10. Ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.13. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

4.14. Doanh thu chưa thực hiện

Phần ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm doanh thu chưa thực hiện của doanh nghiệp trong năm tài chính. Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

4.15. Chi phí hoạt động tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong năm, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

4.17. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng

cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

4.18. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty là 8% và 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

4.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.22. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số 8.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022.

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	23.533.554	176.900.375
Tiền gửi ngân hàng	2.437.825.302	4.013.186.960
Cộng	2.461.358.856	4.190.087.335
5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	31/12/2022	01/01/2022
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	4.717.153.924	5.869.609.695
Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Châu Á Thái Bình Dương	842.670.752	842.670.752
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Cổng Vàng	-	582.450.000
Công ty TNHH Xuất - nhập khẩu và bán lẻ hàng tiêu dùng Hà Nội	807.429.665	163.281.096
Công ty Cổ phần Kids Plaza	823.135.113	286.878.662
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.243.918.394	3.994.329.185
b) Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	4.717.153.924	5.869.609.695
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	177.487.906
Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội	-	177.099.301
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Bắc Qua	-	388.605
5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	31/12/2022	01/01/2022
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.226.352.710	1.025.665.939
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	312.692.923	312.692.924
Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	267.113.916	34.699.977
Molika	245.757.313	245.757.313
Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	646.545.871	432.515.725
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	1.226.352.710	1.025.665.939
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	312.692.923	312.692.924
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	312.692.923	312.692.924

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.4 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	16.429.361.664	(10.176.359.081)	15.576.741.166	(9.516.046.581)
- Tạm ứng	6.253.002.583	-	3.903.357.583	-
- Phải thu khác	10.176.359.081	(10.176.359.081)	11.673.383.583	(9.516.046.581)
+ Lãi cho vay Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	4.223.444.446	(4.223.444.446)	3.744.381.946	(3.744.381.946)
+ Lãi cho vay Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua	2.740.822.233	(2.740.822.233)	2.650.822.233	(2.650.822.233)
+ Lãi cho vay Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	691.554.555	(691.554.555)	600.304.555	(600.304.555)
+ Nguyễn Quốc Hùng (*)	2.260.864.514	(2.260.864.514)	2.260.864.514	(2.260.864.514)
+ Tiền thuê đất số 55 Mã Máy	-	-	2.008.961.838	-
+ Các khoản khác	259.673.333	(259.673.333)	408.048.497	(259.673.333)
b) Dài hạn	11.594.959	-	11.594.959	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	11.594.959	-	11.594.959	-
Cộng	16.440.956.623	(10.176.359.081)	15.588.336.125	(9.516.046.581)

(*) Khoản phải thu Ông Nguyễn Quốc Hùng về tài sản thiếu hụt của Trung tâm Kinh doanh thực phẩm tổng hợp sau khi chấm dứt hoạt động mà Ông Nguyễn Quốc Hùng phải chịu trách nhiệm thu hồi và hoàn trả cho Công ty theo Biên bản làm việc ngày 24/5/2017 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội.

c) Phải thu khác là các bên liên quan	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	4.223.444.446	3.744.381.946
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua	2.740.822.233	2.650.822.233

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN**5.5 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH***Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quán lý	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	117.840.957.154	3.628.510.442	3.463.631.843	1.663.418.726	126.596.518.165
Tăng trong năm	230.000.000	405.550.000	-	-	635.550.000
- <i>Mua trong kỳ</i>	230.000.000	405.550.000	-	-	635.550.000
Giảm trong năm	-	-	305.275.066	-	305.275.066
- <i>Thanh lý</i>	-	-	305.275.066	-	305.275.066
Số dư cuối năm	118.070.957.154	4.034.060.442	3.158.356.777	1.663.418.726	126.926.793.099
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	58.327.624.295	3.264.789.459	3.328.462.621	1.592.719.537	66.513.595.912
Tăng trong năm	4.915.628.227	117.579.040	38.619.768	44.467.269	5.116.294.304
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	4.915.628.227	117.579.040	38.619.768	44.467.269	5.116.294.304
- <i>Tăng khác</i>	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	305.275.066	-	305.275.066
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	305.275.066	-	305.275.066
Số dư cuối năm	63.243.252.522	3.382.368.499	3.061.807.323	1.637.186.806	71.324.615.150
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày 01/01/2022	59.513.332.859	363.720.983	135.169.222	70.699.189	60.082.922.253
2. Tại ngày 31/12/2022	54.827.704.632	651.691.943	96.549.454	26.231.920	55.602.177.949

• Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 của TSCĐ đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.668.311.390 VND

• Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.968.837.105 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.6 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

KHOẢN MỤC	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
Số dư tại 01/01/2022	227.000.000	227.000.000
Số dư tại 31/12/2022	227.000.000	227.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại 01/01/2022	227.000.000	227.000.000
Tăng trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2022	227.000.000	227.000.000
III. Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2022	-	-
Tại ngày 31/12/2022	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết tại ngày 31/12/2022 nhưng vẫn còn sử dụng: 227.000.000 VND

5.7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	24.375.004	-	33.820.606	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Hàng hóa	13.310.874.175	-	25.641.718.161	-
Hàng gửi bán	439.112	-	427.932.292	-
Cộng	13.335.688.291	-	26.103.471.059	-

5.8 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua	-	-	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm (1)	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội (2)	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Cộng	4.500.000.000	(4.500.000.000)	8.500.000.000	(4.500.000.000)
b) Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua	-	-	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Cộng	3.500.000.000	(3.500.000.000)	7.500.000.000	(3.500.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

- (1) Phải thu về cho vay với Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc gia cầm theo các hợp đồng sau:
- Theo Hợp đồng số 17/HĐTD ngày 07/12/2012, số tiền cho vay: 2.000.000.000 VND, thời hạn cho vay: 3 tháng, lãi suất cho vay: 15%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo Phụ lục số 06-17/PLHĐTD ngày 01/11/2014 sửa đổi lãi suất thành 9%/năm từ 01/11/2014 và phụ lục số 07-17/PLHĐTD ngày 02/01/2015 gia hạn thời gian cho vay đến 30/06/2015.
 - Theo Hợp đồng số 55/HĐTD ngày 26/08/2014, số tiền cho vay: 1.500.000.000 VND, thời hạn cho vay: 12 tháng, lãi suất cho vay: 10%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Phụ lục số 01-55/PLHĐTD ngày 01/11/2014 sửa đổi lãi suất thành 9%/năm từ 01/11/2014.
- (2) Theo hợp đồng số 60/HĐVV-PTST ngày 01/06/2013 với Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội, số tiền cho vay: 1.000.000.000 VND, thời hạn cho vay: 3 tháng, lãi suất cho vay: 13%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Phụ lục số 04-60/PLHĐVV-PTST sửa đổi lãi suất thành 9%/năm và gia hạn thời gian cho vay đến 31/12/2015.

5.9 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án: "Đầu tư xây dựng Khu nhà ở" tại địa chỉ số 54 ngõ 459 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội (1)	1.239.269.981	1.239.269.981
Dự án: "Trung tâm thương mại và Dịch vụ Cửu Long" tại địa chỉ số 253 Phố Vọng, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội (2)	2.068.594.048	2.068.594.048
Cộng	3.307.864.029	3.307.864.029

(1) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 629/2009/HANOIFOOD-COTANA ngày 02/11/2009 giữa Công ty TNHH Nhà nước MTV Thực phẩm Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội) gọi là bên (A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana) gọi là bên (B). Mục đích của hợp đồng là Hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng khu đất tại ngõ 459 Bạch Mai - Hai Bà Trưng - Hà Nội, thực hiện dự án đầu tư xây dựng tòa nhà chung cư trên khu đất này với quy mô xây dựng dự kiến: Tổng diện tích khu đất 2.085,9 m²; mật độ xây dựng 50%; đất xây dựng tòa nhà chung cư 25 tầng với 1.000 m²; diện tích xây dựng sân vườn, đường nội bộ 1.085,9 m².

(2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 103/HĐKTKD ngày 13/09/2010 giữa Công ty TNHH Nhà nước MTV Thực phẩm Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội) gọi là bên (A) và Liên doanh Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (Vinaconex R&D) do Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta làm đại diện gọi là bên (B). Lô đất là phần diện tích đất tại 253 Phố Vọng - Hai Bà Trưng - Hà Nội có diện tích 3.255,7 m², diện tích thực tế được xác định theo biên bản bàn giao đất. Mục đích của hợp đồng hợp tác kinh doanh để cùng triển khai thực hiện Dự án, khai thác kinh doanh mặt bằng dự án sau đầu tư và phân chia lợi nhuận từ hoạt động trên khu đất trên. Sản phẩm của hợp đồng này là diện tích tính theo m² của căn hộ, văn phòng và các phần diện tích hữu ích khác trong phạm vi lô đất, các dịch vụ sinh lời có thể phát sinh theo thời gian.

5.10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
a) Ngắn hạn	250.322.472	113.864.354
<i>Công cụ dụng cụ xuất dùng</i>	250.322.472	113.864.354
b) Dài hạn	603.048.212	3.403.723.462
<i>Công cụ dụng cụ xuất dùng</i>	103.802.576	858.375.341
<i>Lợi thế kinh doanh</i>	241.193.728	344.562.484
<i>Các khoản khác</i>	258.051.908	2.200.785.637
Cộng	853.370.684	3.517.587.816

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

5.11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dư phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	104.787.522.255	(31.686.497.697)	62.453.742.255	(27.642.814.203)
- Đầu tư vào Công ty con	85.714.473.001	(15.516.190.621)	43.380.693.001	(13.330.030.713)
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua (1)	64.848.040.000	(15.516.190.621)	22.514.260.000	(13.330.030.713)
+ Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên (2)	20.866.433.001	-	20.866.433.001	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	17.900.000.000	(15.781.885.187)	17.900.000.000	(13.924.361.601)
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc, Gia cầm (3)	17.500.000.000	(15.678.743.680)	17.500.000.000	(13.852.262.324)
+ Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội (4)	400.000.000	(103.141.507)	400.000.000	(72.099.277)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.173.049.254	(388.421.889)	1.173.049.254	(388.421.889)
+ Công ty Cổ phần Thủy sản Kiên Giang	100.000.000	-	100.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến Thực phẩm Hà Nội	1.073.049.254	(388.421.889)	1.073.049.254	(388.421.889)

- Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết, liên doanh trong năm:

(1) Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Bắc Qua thành lập và đăng ký lần đầu ngày 03/01/2008, người đại diện theo pháp luật là Ông Vũ Thanh Sơn, vốn điều lệ tại ngày 31/12/2022 là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn).

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Bắc Qua là đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật hạ tầng trung tâm thương mại, kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

5.11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

- (2) Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên thành lập và đăng ký lần đầu ngày 28/11/2008, người đại diện theo pháp luật là Ông Vũ Thanh Sơn, vốn điều lệ tại ngày 31/12/2022 là 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng chẵn). Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên là Kinh doanh thương mại dịch vụ.
- (3) Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc, Gia cầm thành lập và đăng ký lần đầu ngày 17/01/2007, người đại diện theo pháp luật là Ông Trần Duy Hiền, vốn điều lệ tại ngày 31/12/2022 là 47.250.000.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn). Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc, gia cầm là Sản xuất thực phẩm.
- (4) Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội thành lập và đăng ký lần đầu ngày 23/03/2013, người đại diện theo pháp luật là Bà Vũ Thị Thu Hương. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội là Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

(*) Xem thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.4.iv - Giá trị hợp lý

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	2.892.410.176	2.892.410.176	4.959.936.319	4.959.936.319
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	583.610.000	583.610.000	583.610.000	583.610.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	441.380.540	441.380.540	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	1.867.419.636	1.867.419.636	4.376.326.319	4.376.326.319
Cộng	2.892.410.176	2.892.410.176	4.959.936.319	4.959.936.319
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	583.610.000	583.610.000	583.610.000	583.610.000
Cộng	583.610.000	583.610.000	583.610.000	583.610.000

5.13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	48.382.083	48.382.083	66.598.242	66.598.242
Phạm Xuân Hiệp	-	-	15.000.000	15.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại tổng hợp Vincommerce	8.623.855	8.623.855	8.623.855	8.623.855
Công ty Cổ phần Veetex	13.047.983	13.047.983	-	-
CN Công ty TNHH MTV Hội nhập phát triển Đông Hưng	5.378.734	5.378.734	5.378.734	5.378.734
Đối tượng khác	21.331.511	21.331.511	37.595.653	37.595.653
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Cộng	48.382.083	48.382.083	66.598.242	66.598.242

c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
a) Phải nộp	812.353.457	3.795.462.436	4.030.653.477	574.791.262
- Thuế GTGT	458.811.317	3.633.110.408	3.871.522.499	220.399.228
- Thuế TNCN	11.713.817	128.061.506	124.840.456	14.934.867
- Các loại thuế khác	-	34.290.522	34.290.522	-
- Các khoản phí, lệ phí	341.828.323	-	2.371.154	339.457.169
	01/01/2022	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	31/12/2022
b) Phải thu	468.770.728	7.665.093.768	8.050.648.135	83.216.361
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	468.770.728	7.665.093.768	8.050.648.135	83.216.361

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

a) Ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
- Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	1.381.508.435	272.902.859
Cộng	1.381.508.435	272.902.859

5.16 . PHẢI TRẢ KHÁC

a) Ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
Phải trả, phải nộp khác	3.878.327.355	777.618.625
+ Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	3.868.487.655	386.278.925
+ Trợ cấp thôi việc	-	381.500.000
+ Khác	9.839.700	9.839.700
b) Dài hạn	3.449.738.288	1.998.900.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.449.738.288	1.998.900.000
Cộng	7.328.065.643	2.776.518.625
c) Phải trả khác là các bên liên quan		
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	3.868.487.655	386.278.925
Cộng	3.868.487.655	386.278.925

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN
Đơn vị tính: VND**5.17 NỢ XẤU**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Hợp tác xã Sông Công	175.000.000	-	(175.000.000)	175.000.000	-	(175.000.000)
Công ty CP Phát triển thương mại và Du lịch Hà Nội	84.673.333	-	(84.673.333)	84.673.333	-	(84.673.333)
Nguyễn Quốc Hùng	2.260.864.514	-	(2.260.864.514)	2.260.864.514	-	(2.260.864.514)
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	7.723.444.446	-	(7.723.444.446)	7.244.381.946	-	(7.244.381.946)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua	2.740.822.233	-	(2.740.822.233)	2.650.822.233	-	(2.650.822.233)
Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	1.691.554.555	-	(1.691.554.555)	1.600.304.555	-	(1.600.304.555)
Các đối tượng khác	2.415.937.333	-	(2.415.937.333)	2.415.937.333	-	(2.415.937.333)
Cộng	17.092.296.414	-	(17.092.296.414)	16.431.983.914	-	(16.431.983.914)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN
Đơn vị tính: VND**5.18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Trong năm				Số có khả năng trả nợ
	31/12/2022	Tăng	Giảm	Giá trị	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	53.234.028.184	53.234.028.184	71.482.145.389	53.641.309.214	35.393.192.009
Vay ngắn hạn	52.287.386.184	52.287.386.184	70.535.263.924	52.694.659.840	34.446.782.100
- Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP(1)	41.812.200.000	41.812.200.000	41.812.200.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - chi nhánh Hà Nội (2)	10.475.186.184	10.475.186.184	28.723.063.924	18.247.877.740	-
- Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Thiên Long	-	-	-	34.446.782.100	34.446.782.100
Vay dài hạn đến hạn trả	946.642.000	946.642.000	946.881.465	946.649.374	946.409.909
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà (3)	946.642.000	946.642.000	946.881.465	946.649.374	946.409.909
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	-	946.881.465	946.881.465
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà (3)	-	-	-	946.881.465	946.881.465
Cộng	53.234.028.184	53.234.028.184	71.482.145.389	54.588.190.679	36.340.073.474

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.18 - VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(1) Khoản vay Tổng công ty Thương Mại Hà Nội - CTCP theo Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01/2022/HAPRO-THUCPHAM ngày 28/2/2022 và Phụ lục hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01/2022/HAPRO-THUCPHAM-PL01 ngày 28/5/2022;

- Số tiền vay là 41.812.200.000 VND;

- Mục đích sử dụng tiền vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất vay 11%/năm;

- Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hà Nội theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2134200355/HĐCHMTD ngày 04/04/2022; hạn mức tín dụng 20.000.000.000 VND; lãi suất được quy định trên từng khế ước giao động từ 8% đến 9,31% được tính trên cơ sở 365 ngày/năm; mục đích sử dụng HMTD: Bổ sung vốn lưu động, phát hàng L/C phục vụ hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo thế chấp bổ sung bằng các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 002246, Số vào sổ cấp GCN: CT 08931 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/03/2019 cho Công ty CP Thực phẩm Hà Nội;

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 686483, Số vào sổ cấp GCN: CT 06030 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/11/2016 cho Công ty cổ phần Thực phẩm Hà Nội;

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 696939, Số vào sổ cấp GCN: CT 06033 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 07/11/2016 cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội;

(3) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo hợp đồng số 1260LAV201700266 ký ngày 23/11/2017; hạn mức tín dụng là 9.800.000.000 đồng; mục đích khoản vay để đầu tư xây dựng dự án 'Cửa hàng thương mại dịch vụ Đồng Xuân'; thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo chính là tài sản hình thành trong tương lai thuộc công trình xây dựng Cửa hàng thương mại Đồng Xuân tại số 26 Cao Thắng, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

5.19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2021	145.000.000.000	285.291.856	540.000.000	(39.209.646.500)	106.615.645.356
Tăng khác	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	(6.002.074.393)	(6.002.074.393)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	145.000.000.000	285.291.856	540.000.000	(45.211.720.893)	100.613.570.963
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	(8.645.410.752)	(8.645.410.752)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	145.000.000.000	285.291.856	540.000.000	(53.857.131.645)	91.968.160.211

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

5.19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần

CTCP Chứng khoán Phố Wall

Các cổ đông khác

Cộng

Tỷ lệ vốn góp (%)	31/12/2022
20,00%	28.995.500.000
18,76%	27.204.000.000
61,24%	88.800.500.000
100%	145.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp đầu năm

- Vốn góp cuối năm

	Năm nay	Năm trước
	145.000.000.000	145.000.000.000
	145.000.000.000	145.000.000.000

d) Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu được mua lại

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- Cổ phiếu phổ thông

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

	31/12/2022	01/01/2022
	14.500.000	14.500.000
	14.500.000	14.500.000
	-	-
	-	-
	14.500.000	14.500.000
	14.500.000	14.500.000
	10.000 đồng	10.000 đồng

e) Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển

	31/12/2022	01/01/2022
	540.000.000	540.000.000

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG**6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Doanh thu

- Doanh thu bán hàng hóa

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	109.440.323.237	136.894.320.188
	82.706.053.585	117.990.952.936
	26.734.269.652	18.903.367.252
	109.440.323.237	136.894.320.188

6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Chiết khấu thương mại

Giảm giá hàng bán

Hàng bán bị trả lại

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	27.953.704	-
	24.345.948	3.503.534
	153.681.683	188.012.287
	205.981.335	191.515.821

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**Giá vốn của hàng đã bán**

- Giá vốn hàng bán

- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

Cộng

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng đã bán	83.812.106.073	105.010.502.824
- Giá vốn hàng bán	74.560.667.122	99.067.656.936
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	9.251.438.951	5.942.845.888
Cộng	83.812.106.073	105.010.502.824

6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, cho vay

- Cổ tức, lợi nhuận được chia

- Lãi chênh lệch tỷ giá

- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán

Cộng

	Năm nay	Năm trước
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	669.966.782	939.457.165
- Lãi tiền gửi, cho vay	669.966.782	939.457.165
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	612.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	559.173.361
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	18.822.346
Cộng	669.966.782	2.129.452.872

6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay

- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm

- Dự phòng tổn thất đầu tư

Cộng

	Năm nay	Năm trước
CHI PHÍ TÀI CHÍNH	5.944.721.530	3.369.718.853
- Lãi tiền vay	5.944.721.530	3.369.718.853
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	162.577.337	26.128.589
- Dự phòng tổn thất đầu tư	4.043.683.494	3.213.021.637
Cộng	10.150.982.361	6.608.869.079

6.6 . THU NHẬP KHÁC

Lãi từ thanh lý nhượng bán tài sản

+ Thu khác từ thanh lý TSCĐ

+ Giá trị còn lại, chi phí thanh lý

- Các khoản khác

- Thưởng doanh số bán hàng

Cộng

	Năm nay	Năm trước
THU NHẬP KHÁC	50.000.000	-
Lãi từ thanh lý nhượng bán tài sản	50.000.000	-
+ Thu khác từ thanh lý TSCĐ	50.000.000	-
+ Giá trị còn lại, chi phí thanh lý	-	-
- Các khoản khác	427.950.951	291.037.560
- Thưởng doanh số bán hàng	-	1.364.350.400
Cộng	477.950.951	1.655.387.960

6.7 . CHI PHÍ KHÁC

- Các khoản bị phạt

- Các khoản khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
CHI PHÍ KHÁC	8.500.000	2.768
- Các khoản bị phạt	8.500.000	2.768
- Các khoản khác	-	1.179.128
Cộng	8.500.000	1.181.896

6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**a) Chi phí bán hàng phát sinh trong năm**

Chi phí nhân viên

Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, vật liệu quản lý

Chi phí dụng cụ, đồ dùng

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí khác bằng tiền

	Năm nay	Năm trước
CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	8.584.318.711	18.504.879.977
a) Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	8.584.318.711	18.504.879.977
Chi phí nhân viên	4.025.329.187	9.182.714.624
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, vật liệu quản lý	690.000	75.931.993
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	23.844.415
Chi phí khấu hao tài sản cố định	298.200.334	1.292.037.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.540.967.841	3.158.633.259
Chi phí khác bằng tiền	2.719.131.349	4.771.718.403

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

b) Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	16.471.763.242	16.364.285.816
Chi phí nhân viên	4.322.652.284	4.341.599.836
Chi phí đồ dùng văn phòng	13.878.700	37.233.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.026.897.682	1.098.585.592
Thuế, phí, lệ phí	8.001.431.774	7.652.537.234
Chi phí dự phòng	660.312.500	935.312.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.016.763.804	928.247.159
Chi phí khác bằng tiền	1.429.826.498	1.370.769.695
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		

6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	530.329.752
Chi phí nhân công	8.347.981.471	13.766.934.228
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.116.294.304	5.425.799.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.557.731.645	5.230.000.171
Chi phí dự phòng	660.312.500	935.312.500
Thuế, phí, lệ phí	8.001.431.774	7.652.537.234
Chi phí bằng tiền khác	4.163.526.547	6.310.038.255
Cộng	28.847.278.241	39.850.951.449

6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.645.410.752)	(6.002.074.393)
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.305.184.180	2.817.922.151
+ Chi phí không được trừ	7.305.184.180	2.817.922.151
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	964.181.895
+ Lợi nhuận từ hoạt động không thuộc diện chịu thuế TNDN	-	612.000.000
+ Chuyển lỗ	-	352.181.895
Tổng thu nhập chịu thuế	(1.340.226.572)	(4.148.334.137)
Thuế TNDN hiện hành	-	-

7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG**8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Năm nay

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	82.500.072.250	26.734.269.652	109.234.341.902
Giá vốn	74.560.667.122	9.251.438.951	83.812.106.073
Lợi nhuận gộp	7.939.405.128	17.482.830.701	25.422.235.829
Tổng giá trị còn lại của tài sản			158.536.867.571
Nợ phải trả			66.568.707.360
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)			805.529.041
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			8.110.826.893
Tổng giá trị các khoản chi phí không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn			-

8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (thứ yếu)

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì doanh thu bán hàng và dịch vụ chỉ phát sinh ở địa bàn miền Bắc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022.

Đơn vị tính: VND

8.4 . Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
31/12/2022	28.107.874.444	104.799.117.214	132.906.991.658
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.461.358.856	-	2.461.358.856
Phải thu khách hàng	4.717.153.924	-	4.717.153.924
Đầu tư tài chính	-	104.787.522.255	104.787.522.255
Phải thu về cho vay	4.500.000.000	-	4.500.000.000
Phải thu khác	16.429.361.664	11.594.959	16.440.956.623
Trừ:	(17.092.296.414)	(31.686.497.697)	(48.778.794.111)
Dự phòng phải thu khó đòi	(17.092.296.414)	-	(17.092.296.414)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(31.686.497.697)	(31.686.497.697)
Tổng cộng	11.015.578.030	73.112.619.517	84.128.197.547
Các khoản vay và nợ	53.234.028.184	-	53.234.028.184
Phải trả người bán	2.892.410.176	-	2.892.410.176
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	3.917.382.464	3.449.738.288	7.367.120.752
Tổng cộng	60.043.820.824	3.449.738.288	63.493.559.112
Chênh lệch thanh khoản thuần	(49.028.242.794)	69.662.881.229	20.634.638.435
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
01/01/2022	34.136.438.196	62.465.337.214	96.601.775.410
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.190.087.335	-	4.190.087.335
Phải thu khách hàng	5.869.609.695	-	5.869.609.695
Đầu tư tài chính	-	62.453.742.255	62.453.742.255
Phải thu về cho vay	8.500.000.000	-	8.500.000.000
Phải thu khác	15.576.741.166	11.594.959	15.588.336.125
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:	(175.000.000)	(27.642.814.203)	(27.817.814.203)
Dự phòng phải thu khó đòi	(175.000.000)	-	(175.000.000)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(27.642.814.203)	(27.642.814.203)
Tổng cộng	33.961.438.196	34.822.523.011	68.783.961.207
Các khoản vay và nợ	35.393.192.009	946.881.465	36.340.073.474
Phải trả người bán	4.959.936.319	-	4.959.936.319
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	816.597.860	1.998.900.000	2.815.497.860
Tổng cộng	41.169.726.188	2.945.781.465	44.115.507.653
Chênh lệch thanh khoản thuần	(7.208.287.992)	31.876.741.546	24.668.453.554

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

(iv) Giá trị hợp lý

Đơn vị tính: VND

Giá trị ghi số trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.461.358.856	4.190.087.335	2.461.358.856	4.190.087.335
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	21.158.110.547	21.457.945.820	4.065.814.133	21.282.945.820
Phải thu về cho vay	4.500.000.000	8.500.000.000	4.500.000.000	8.500.000.000
Đầu tư	104.787.522.255	62.453.742.255	(*)	(*)
Tổng cộng	132.906.991.658	96.601.775.410	(*)	(*)
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	2.892.410.176	4.959.936.319	2.892.410.176	4.959.936.319
Phải trả khác và chi phí phải trả	7.367.120.752	2.815.497.860	7.367.120.752	2.815.497.860
Các khoản vay và nợ	53.234.028.184	36.340.073.474	53.234.028.184	36.340.073.474
Tổng cộng	63.493.559.112	44.115.507.653	63.493.559.112	44.115.507.653

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01/01/2022 và ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trong yếu tố giá trị ghi số của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

8.5 . Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan**

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP
 Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua
 Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên
 Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm
 Công ty Cổ phần Ẩm thực Hà Nội
 Bà Dương Thị Lam
 Bà Ngô Lan Hương
 Ông Đinh Tiến Thành
 Bà Phan Thị Thu Hiền
 Bà Phạm Diễm Hoa
 Bà Trần Huệ Linh
 Bà Nguyễn Thu Hương
 Ông Nguyễn Việt Hùng
 Ông Nguyễn Việt Thắng
 Ông Nguyễn Thái Dũng
 Bà Nguyễn Ngọc Dung
 Ông Chu Việt Cường
 Bà Lê Thị Ngọc Diệp
 Bà Đinh Thị Chuyên

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Chủ tịch HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm 20/5/2022)
 Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm 20/5/2022)
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Trưởng ban kiểm soát
 Thành viên ban kiểm soát
 Thành viên ban kiểm soát
 Giám đốc (Bổ nhiệm 01/03/2022)
 Giám đốc (Miễn nhiệm 25/01/2022)
 Phó giám đốc
 Phó giám đốc
 Phó giám đốc

Ngoài ra, các bên liên quan còn bao gồm các cá nhân có mối quan hệ vợ, chồng,... của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài các thuyết minh về các bên liên quan đã nêu trên, trong năm Công ty có những giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	Mua hàng hóa, dịch vụ	123.849.240
	Bù trừ khoản cho vay để góp vốn	521.580.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua	Lãi cho vay	90.000.000
	Thu tiền cho vay	4.000.000.000
	Bán hàng	31.350.942
Công ty Cổ phần Ẩm thực Hà Nội	Tiền thuê mặt bằng	479.766.820
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	Lãi cho vay	479.062.500

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

b) Thu nhập chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Bà Dương Thị Lam	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	15.000.000
Bà Ngô Lan Hương	Thành viên HĐQT	36.000.000	9.000.000
Ông Đinh Tiến Thành	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm 20/5/2022)	15.000.000	9.000.000
Bà Phan Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm 20/5/2022)	21.000.000	-
Bà Phạm Diễm Hoa	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Bà Trần Huệ Linh	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban kiểm soát	24.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000	3.000.000
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Thái Dũng	Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/03/2022)	496.107.575	-
Bà Nguyễn Ngọc Dung	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 25/01/2022)	69.782.637	165.000.000
Ông Chu Việt Cường	Phó Giám đốc	322.967.217	325.231.961
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Phó Giám đốc	243.812.688	307.133.636
Bà Đinh Thị Chuyên	Phó Giám đốc	196.513.446	223.884.543
Tổng cộng		1.581.183.563	1.147.250.139

8.6 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam có điều chỉnh một số chỉ tiêu để phù hợp với ý kiến kiểm toán năm trước.

*/ Các chỉ tiêu thay đổi trên Bảng cân đối Kế toán tại ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu theo BCKT 2021	Số liệu trình bày lại	Chênh lệch
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	61.673.210.276	45.416.226.362	(16.256.983.914)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(175.000.000)	(16.431.983.914)	(16.256.983.914)
5. Dự phòng phải thu khó đòi	137	(175.000.000)	(16.431.983.914)	(16.256.983.914)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	129.259.846.958	101.617.032.755	(27.642.814.203)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220	62.453.742.255	34.810.928.052	(27.642.814.203)
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	-	(27.642.814.203)	(27.642.814.203)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	190.933.057.234	147.033.259.117	(43.899.798.117)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu theo BCKT 2021	Số liệu trình bày lại	Chênh lệch
NGUỒN VỐN				
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	144.513.369.080	100.613.570.963	(43.899.798.117)
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421	(1.311.922.776)	(45.211.720.893)	(43.899.798.117)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	541.817.480	(39.209.646.500)	(39.751.463.980)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	(1.853.740.256)	(6.002.074.393)	(4.148.334.137)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	190.933.057.234	147.033.259.117	(43.899.798.117)

* / Các chỉ tiêu thay đổi trên Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu theo BCKT 2021	Số liệu trình bày lại	Chênh lệch
7. Chi phí tài chính	22	3.395.847.442	6.608.869.079	3.213.021.637
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	15.428.973.316	16.384.285.816	935.312.500
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(3.507.948.320)	(7.656.280.457)	(4.148.334.137)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(1.853.740.256)	(6.002.074.393)	(4.148.334.137)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	(1.853.740.256)	(6.002.074.393)	(4.148.334.137)

8.7 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.8 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

Người lập biểu



Phùng Thị Thúy

Kế toán trưởng



Vũ Thị Mai Hồng

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Giám đốc



Nguyễn Thái Dũng